

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024.

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ – TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Ngọc Thành

- Bà Bùi Thị Vân

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện VKSND huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:** Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quý T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Đức Phong, sinh năm 1957, địa chỉ: Thôn Vạn Tuế, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều vắng mặt, trước đó có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, về chung sống với nhau từ cuối năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2017, chị và anh T

phát sinh phát sinh mâu thuẫn trầm trọng dẫn tới không còn tình cảm với nhau, hai bên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2023. Nay chị xác định không thể quay về chung sống với anh T, chị yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1995; Nguyễn Quý Hùng, sinh năm 2001 và Nguyễn Quý Hà, sinh năm 2005. Các con đều đã thành niên, đủ khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh T trình bày thống nhất với chị H về thời điểm hai bên bắt đầu chung sống như vợ chồng và đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Anh xác định hai bên có nhiều mâu thuẫn, không thể đoàn tụ. Anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Về con chung, về tài sản, nợ chung: Anh T thống nhất với các nội dung mà chị H trình bày và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của người làm chứng xác định: Chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành, người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 35/QH/2000 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quý T. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quý T tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, hai bên có nhiều mâu thuẫn dẫn tới tình cảm không còn, chị H đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị và anh T là vợ chồng. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung*: Các đương sự có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1995; Nguyễn Quý Hùng, sinh năm 2001 và Nguyễn Quý Hà, sinh năm 2005. Các con chung của đương sự đều đã thành niên, có khả năng lao động, đương sự đều không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. *Về tài sản*: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quý T là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đồi trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001018 ngày 01/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị H đã thi hành xong tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục thi hành án huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu Tòa án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Trường Giang